

1. Ma trận đề thi Toán lớp 3 học kì 1

Năng lực, phẩm chất	Số câu, số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Số và phép tính: Cộng, trừ, nhân, chia các số trong phạm vi 1 000. Làm quen với số La Mã.	Số câu	2		2	5		1	4	6
	Số điểm	1 (mỗi câu 0,5 điểm)		1 (mỗi câu 0,5 điểm)	4 (điểm)		1 điểm	2	5
Giải bài toán bằng hai phép tính	Số câu				1				1
	Số điểm				1				1
Đại lượng và đo các đại lượng: Các đơn vị đo độ dài, đo nhiệt độ. Xem đồng hồ.	Số câu	1			1			1	1
	Số điểm	0,5			1			0,5	1
Hình học: điểm, đoạn thẳng, hình tam giác, hình tròn, hình tứ giác, khối hộp chữ nhật, khối lập phương	Số câu					1		1	
	Số điểm					0,5		0,5	
Tổng	Số	3		2	7	1	1	6	8

	câu								
	Số điểm	1,5		1	6	0,5	1	3	7

2. Đề thi Toán học kì 1 lớp 3

Phần 1. Trắc nghiệm

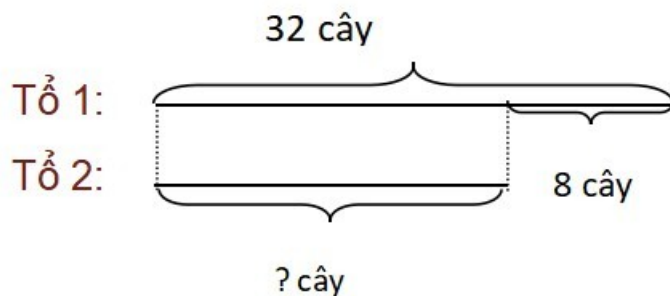
Câu 1. $V \times IX$ có kết quả là:

- A. 45 B. 50 C. 70 D. 58

Câu 2. Xếp đều 8 quả cam vào 4 hộp. Lấy ra 3 hộp như thế có bao nhiêu quả cam?

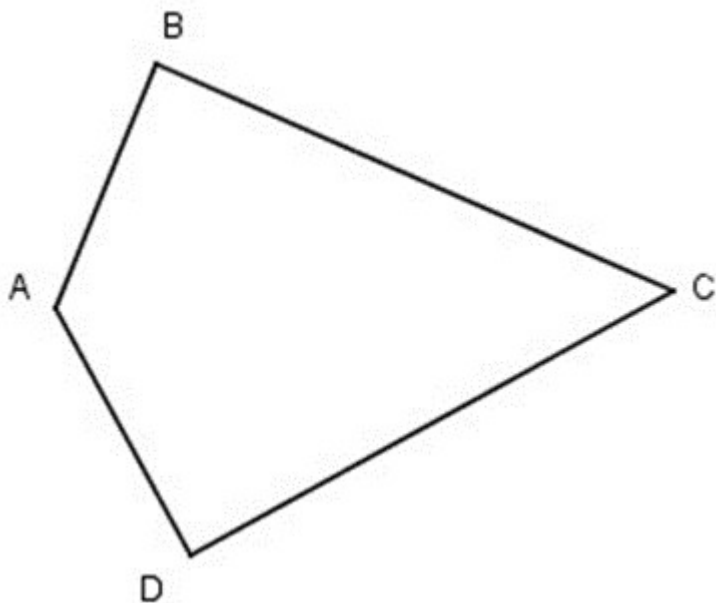
- A. 4 quả cam B. 5 quả cam
C. 6 quả cam D. 7 quả cam

Câu 3. Dựa vào tóm tắt sau, tìm số cây của tổ 2.



- A. 40 cây B. 16 cây
C. 24 cây D. 18 cây

Câu 4. Tứ giác ABCD có:



- A. 3 đỉnh: A, B, C
- B. 4 đỉnh A, B, C, D
- C. 3 cạnh: AB, AD, CD
- D. 3 cạnh: AB, BC, CD

Câu 5. Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

- A. $1 \text{ km} = 100 \text{ m}$
- B. $1 \text{ m} = 10 \text{ dm}$
- C. $3 \text{ cm} = 30 \text{ mm}$
- D. $5 \text{ dm} = 500 \text{ mm}$

Câu 6. Lớp 3A có 30 học sinh chia thành 5 nhóm. Hỏi mỗi nhóm có bao nhiêu học sinh?

- A. 5 học sinh
- B. 6 học sinh
- C. 7 học sinh
- D. 8 học sinh

Câu 7. Số liền trước số 999 là

- A. 990
- B. 998
- C. 1000
- D. 10000

Phần 2. Tự luận

Câu 8. Nối đồng hồ phù hợp với cách đọc

A. 15 giờ 6 phút
hay 3 giờ 6 phút chiều



B. 10 giờ 53 phút
hay 11 giờ kém 7 phút

C. 18 giờ 22 phút
hay 6 giờ 22 phút chiều



D. 16 giờ 45 phút
hay 17 giờ kém 15 phút

Câu 9. Tính nhẩm

- a) $672 + 214$
- b) $907 - 105$
- c) 127×7
- d) $432 : 4$

Câu 10. Tìm X

- a) $x : 6 = 102$
- b) $742 - x = 194$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....

Câu 11. Tính giá trị biểu thức

a) $425 - 34 - 102 - 97$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

b) $136 \times 5 - 168 + 184$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 12. Giải toán

Thanh sắt sơn màu đỏ dài 30 cm, thanh sắt sơn màu xanh dài gấp 3 lần thanh sắt sơn màu đỏ. Hỏi cả hai thanh sắt dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

.....
.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 13. Số

Đồ dùng học tập của Hoa

				
Bút chì	Bút sáp	Tẩy	Bút máy	Thước

Mỗi sao thể hiện một đồ dùng.

Điền tên dụng cụ và các từ nhiều nhất hay ít nhất vào ô trống

- Đồ dùng học tập mà bạn Hoa có nhiều nhất là:
- Đồ dùng học tập mà bạn Hoa có ít nhất là: ...
- Số bút sáp mà bạn Hoa có gấp ... lần số bút chì của bạn Hoa.

Câu 14. Tìm số bị chia biết thương là số chẵn lớn nhất có hai chữ số khác nhau, số chia bằng 4 và số dư là số nhỏ nhất có thể có.

3. Đáp án đề Toán lớp 3 học kì 1

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7
B	C	C	B	A	B	B

Phần 2. Tự luận

Câu 8. Nối đồng hồ phù hợp với cách đọc

A. 15 giờ 6 phút
hay 3 giờ 6 phút chiều

B. 10 giờ 53 phút
hay 11 giờ kém 7 phút

C. 18 giờ 22 phút
hay 6 giờ 22 phút chiều

D. 16 giờ 45 phút
hay 17 giờ kém 15 phút

Câu 9. Tính nhẩm

a) $672 + 214 = 886$

b) $907 - 105 = 802$

c) $127 \times 7 = 889$

d) $432 : 4 = 108$

Câu 10. Tìm X

a) $x : 6 = 102$

$x = 102 \times 6$

$x = 612$

b) $742 - x = 194$

$x = 742 - 194$

$x = 548$

Câu 11. Tính giá trị biểu thức

a) $425 - 34 - 102 - 97$

$= 391 - 102 - 97$

$= 289 - 97$

$= 192$

b) $136 \times 5 - 168 + 184$

$= 680 - 168 + 184$

$= 512 + 184$

= 696

Câu 12.

Bài giải

Độ dài thanh sắt màu xanh là:

$$30 \times 3 = 90 \text{ (cm)}$$

Cả hai thanh sắt dài là:

$$30 + 90 = 120 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 120 cm

Câu 13. Số

Điền tên dụng cụ và các từ nhiều nhất hay ít nhất vào ô trống

- Đồ dùng học tập mà bạn Hoa có nhiều nhất là: **bút sáp**
- Đồ dùng học tập mà bạn Hoa có ít nhất là: **tẩy**
- Số bút sáp mà bạn Hoa có là 12, số bút chì mà bạn Hoa có là 4.

Nên số bút sáp mà bạn Hoa có gấp $12 : 4 = 3$ lần số bút chì của bạn Hoa.

Câu 14.

Thương là số chẵn lớn nhất có hai chữ số khác nhau là: 98.

Số dư nhỏ nhất có thể có là 1.

Số bị chia là:

$$98 \times 4 + 1 = 393$$

Đáp số: 393

>> [Bộ đề thi Toán lớp 3 học kì 1 Kết nối tri thức năm 2022-2023](#)